

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 349/2024/DS-PT

Ngày: 27/6/2024 đến ngày 01/7/2024

V/v “*Tranh chấp nhà thờ họ Lê V và yêu cầu  
hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Đặng Thị Thơm;

*Các Thẩm phán:* Ông Phạm Văn Tuyền;

Ông Phạm Văn Lợi.

- **Thư ký phiên toà:** Ông Phạm Minh Tùng, Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Thanh Phương, Kiểm sát viên cao cấp.

Trong ngày 27/6/2024 đến ngày 01/7/2024, tại trụ sở Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 156/2024/TLPT-DS ngày 01 tháng 3 năm 2024 về việc “*Tranh chấp nhà thờ họ Lê V và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 96/2023/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 6371/2024/QĐ-PT ngày 11 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:**

1. Ông Lê Văn P, sinh năm 1951; địa chỉ: Đ, thôn T, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội; (Có mặt).

2. Ông Lê Văn D, sinh năm 1962; địa chỉ: Đ, thôn T, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội; (Có mặt).

3. Ông Lê Văn C, sinh năm 1948; địa chỉ: Đ, thôn T, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội; (Có mặt).

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:** Luật sư Trung Thị Kim A – Công ty L1, Đoàn Luật sư thành phố H; địa chỉ: Số A, ngõ B, đường N, quận T, thành phố Hà Nội; (Có mặt).

- **Bị đơn:**

1. Ông Lê Văn T, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1962; cùng địa chỉ: Số E, ngõ C, thôn T, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội; (Có mặt).

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn T:* Ông Lê Văn M, sinh năm 1958; địa chỉ: Đ, thôn T, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội; (Vắng mặt).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:* Luật sư Lê Trung H – Văn phòng L2, Đoàn Luật sư tỉnh N; địa chỉ: P, tầng B Chung cư Đ, số G, đường N, thành phố V, tỉnh Nghệ An; (Có mặt).

2. Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội; (Vắng mặt).

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Nguyễn Xuân M1 – Chủ tịch.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, thành phố Hà Nội.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Đỗ Duy S – Chủ tịch; (Vắng mặt).

2. Ông Lê Văn T2, sinh năm 1966; địa chỉ: Đ, thôn T, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội; (Có mặt).

3. Ông Lê Văn T3, sinh năm 1966; địa chỉ: Đ, thôn T, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội; (Có mặt).

4. Ông Lê Văn D1, sinh năm 1969; địa chỉ: Đ, thôn T, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội; (Có mặt).

5. Ông Lê Văn C, sinh năm 1958; địa chỉ: Đ, thôn T, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội; (Có mặt).

6. Ông Lê Văn H1, sinh năm 1963; địa chỉ: Đ, thôn T, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội; (Có mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn gồm ông Lê Văn P, ông Lê Văn D, ông Lê Văn C trình bày:*

Dòng họ Lê V thôn T8 có nguồn gốc khoảng 500 năm, là một trong những dòng họ lâu đời nhất tại xã T. Các cụ tổ tiên đã để lại cho con cháu dòng họ Lê V ngôi nhà thờ chung của dòng họ tại địa chỉ: Số E ngõ C, Đ, thôn T, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội.

*Về nguồn gốc hình thành, xây dựng, tu tạo nhà thờ họ Lê V:*

Theo gia phả, cụ Phúc C1 (Đời thứ ba của dòng họ Lê V và là đời thứ nhất sinh sống tại T) là người cắm đất tại ngõ C, T vào khoảng niên hiệu Hồng Đức - Cảnh Thống năm Canh Dần 1470-1504, (Tr6 gia phả). Gia phả có ghi lại: “Thầy quyết rằng: Đất này tốt, có thể tính toán sống ở đây, nay tuy chật hẹp, sau tất rộng lớn”. Thế là chọn hướng mà định cư ở đó (nay nhà thờ họ Lê V chính là chỗ này), (Tr39 gia phả).

Đến đời thứ 5 là cụ Phúc L (1660 - 1731), theo gia phả chép lại thì cụ Phúc L là người trực tiếp xây dựng ngôi từ đường nhà thờ họ Lê V khởi từ thời kỳ

Chính Hòa (1680 - 1704) (Tr 9 gia phả) trên nền đất cụ Phúc C1 khởi lập. Gia phả có ghi: “Cụ là người hòa nhã, chân thực, không thích khoe mẽ; vun đắp thêm sự nghiệp tiền nhân, gia tài giàu có, sung túc, có hơn 70 mẫu ruộng, mới làm rộng 01 dãy từ đường, 07 gian 02 trái lợp ngói” (nay tức là chỗ ngôi nhà do cụ thủy tổ Phúc C1 mời thầy phong thủy chọn đất), (Tr44 gia phả).

Vào năm 1940 thuộc đời thứ 12, dòng họ Lê V đã thực hiện một cuộc đại trùng tu cải tạo, mở rộng đại bái nhà thờ Đại tôn, thay hoành dui bằng gỗ lim do tập thể thành viên trong họ đóng góp tu sửa. Nội dung này ghi chép trong gia phả và được chính cụ Lê Văn B (cụ Đ), em ruột cụ B1, chú ruột ông Lê Văn T xác nhận tại Vi bằng số 813/2022/VB-TPLQNTL ngày 15/3/2022.

Ngày khánh thành công trình đại trùng tu từ đường nhà thờ (cách đây gần 01 thế kỷ) các cụ trong họ mời gánh hát về biểu diễn ròn rã suốt 03 ngày đêm để ăn mừng. Từ năm 1940 đến năm 2001, nhà thờ dòng họ Lê V được tiến hành sửa chữa lớn, sửa chữa nhỏ và thay cổng về vị trí hiện nay. Mỗi lần tu sửa đều lấy ý kiến từ cuộc họp Hội đồng gia tộc, quyết định tu sửa đều tuân theo ý kiến tập thể, kinh phí đều do các thành viên của 03 chi trong dòng họ đóng góp, các thành viên con em dâu rể dòng họ đưa tâm ủng hộ. Cho đến năm 2009 tái tu tạo lớn và giữ nguyên khuôn mẫu cũ.

Kinh phí xây dựng đều được lấy từ quỹ do các suất đình cả 03 chi đóng góp và các cá nhân, gia đình dòng họ đưa tâm ủng hộ, có sổ sách tài chính ghi chép đầy đủ.

- Nội dung ghi chép về xây dựng, sửa chữa, trùng tu nhà thờ dòng họ Lê V, được tóm tắt như sau:

- + Xây dựng vào thời kỳ Chính Hòa từ năm 1680 đến năm 1704;
- + Sửa chữa lớn lần 1: Tháng 8 năm 1871;
- + Sửa chữa lớn lần 2: Bảo Đại hựu 1940;
- + Năm 2000, tu tạo cửa, ngưỡng, cột N4; năm 2001 chuyển vị trí, thiết kế cổng mới nhà thờ Đại tôn, kinh phí do các cá nhân, gia đình đưa tâm cung tiến và dòng họ đóng góp;
- + Năm 2009, 2010 tái tu tạo nhà thờ Đại tôn, kinh phí cũng đều do các suất đình đóng góp, các thành viên dòng họ đưa tâm xây dựng lên.

Theo tài liệu sổ sách ghi nhận tại các cuốn “Nghị quyết Hội đồng gia tộc”, “Thu chi tài chính” gồm: Báo cáo tài chính, danh sách cá nhân gia đình trong dòng họ ủng hộ trùng tu, nghiệm thu công trình tái tu tạo, người góp công, người góp của làm công đức để đóng góp vào tu tạo nhà thờ Đại tôn dòng họ Lê V từ các năm 2000, 2001, 2009, 2010,... đều thể hiện sự tâm huyết, chung sức chung lòng của các thành viên góp phần xây dựng, duy trì nhà thờ Đại tôn dòng họ, nơi sinh hoạt tâm linh của cộng đồng dòng họ Lê V.

*Về hình thức, kiến trúc nhà thờ dòng họ Lê V:*

- Nội tự, bố cục thờ tự tại nhà thờ gồm có 03 ban thờ:
- + Ban chính giữa thờ cụ Thủy Tổ dòng họ Lê V;
- + Gian bên phải thờ các đời trưởng của chi trưởng;
- + Gian bên trái là nơi gửi hậu cho những người trong dòng họ mất mà không có con nối dõi và những người có công đóng góp vào dòng họ đều được hưởng.

- Về bố cục trang trí hoành phi, câu đối:

+ Tính từ ngoài sân nhìn vào có 04 bức hoành phi chính giữa của nhà thờ Đại tôn và các câu đối: Bức thứ nhất có nội dung: “Phúc mẫn đường”, có câu đối “Hong ân thủy hậu phần hương công đức hiển thiên thu” và “Nghĩa chỉ khai thiên phúc địa tài bồi lưu dịch thế”. Bức thứ hai có nội dung: “Phúc lai thành”, có câu đối “Đức cơ tứ dục mộc tinh hoành” và “Phúc địa vinh tài lê thụ cổ”. Bức thứ ba có nội dung: “Hùng Trí Trợ dân”, có câu đối “Di lưu thiên vạn cổ điển hình binh hoán hậu lai thừa” và “Bồi thực sở bách niên khí mạch diên hà tiên thế dụ”. Bức thứ tư có nội dung: “Lê tộc từ đường”, có câu đối “Nhân giả hữu hậu quyết linh tại thượng phúc nhi tôn” và “Cư tất trạch hương kỳ thế phương hưng hiển tử đệ”.

+ Hai ban thờ hai bên có hai bức hoành phi, thể hiện: “Quang U Tiền” và “Dụ U Hợp”.

+ Vách hiên có các nội dung: “Văn chương thiên cổ nghiệp, hiếu hữu một nhà xuân”; “Từ đường sinh quan thái, cảnh tượng nhật vinh xương”; “Lễ - nhạc tông tiên tiến, thi - thư khả hậu nhân”; “Thế đại nguyên lưu viễn, tông chi khánh trạch trường”; “Chính hòa khởi từ đường, Bảo đại hự trùng tu, Nhân cơ truyền dịch tự, tâm miếu thiên thu”; “Phúc đại tài lê hậu, Nhuệ thủy dẫn phái trường, Mộc Sơn, Tân tọa chính, Ất hướng, Tồn lưu phong”.

+ Thượng lương có nội dung: “Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Kỷ Sửu niên, lục nguyệt thập nhị nhật tái tu tạo, thụ trụ thượng lương đại cát”.

+ Câu đầu có nội dung: “Khương thái công tại thử” và “Cần nguyên hanh lợi trình”.

Tất cả hoành phi, câu đối đều được ghi chép, dịch nghĩa đầy đủ trong cuốn “Bản dịch hoành phi, đại tự, câu đối, thượng lương, câu đầu tại nhà thờ họ Lê” xã T, huyện T, thành phố Hà Nội và được ghi lại trong các video còn lưu giữ.

- Ngoại tự:

+ Cổng ngôi nhà thờ họ được trang trí hoa văn cổ có khắc chữ “Đồng hoan môn”. Ngoài ra còn nhiều cột đồng trụ, câu đối khác.

+ Sân nhà thờ họ rộng khoảng 200m<sup>2</sup> là nơi sinh hoạt cộng đồng, xuân thu nhị kỳ thường bắc rạp, bày cỗ trong các sự kiện lớn thường niên của dòng họ.

Các kiến trúc đều thể hiện nhà, đất này là nhà thờ thuộc dòng họ Lê V.

*Về nội dung hoạt động tín ngưỡng và các hoạt động khác của dòng họ tổ*

*chức tại nhà thờ họ Lê V:*

Kế thừa truyền thống tốt đẹp của cha ông, năm 1990, cụ Lê Văn B1 (bố đẻ ông T) đã chủ động thu thập, biên soạn, dịch thuật gia phả, củng cố hoạt động dòng họ: Nề nếp tế tổ, lập các quỹ khuyến học, duy trì đóng góp tài chính theo các suất đình để duy trì và phát triển chung cho cả dòng họ. Thiết lập bài bản hệ thống sinh hoạt dòng họ, phân công nhiệm vụ đầy đủ, lập các ban: Hội đồng gia tộc, Ban nghi thức, Đồng niên; các quỹ: Tài chính, Khuyến học, Chúc thọ bài bản và quy củ.

Hàng năm dòng họ Lê V tổ chức 02 kỳ lễ tổ (lên tới 400 suất đình tham dự), 02 kỳ chạp mộ, mừng thọ, phát thưởng khuyến học. Việc đèn hương ngày tuần, ngày rằm (có quỹ riêng đồng niên được giao hàng năm cho nhà trưởng, trong đó có cụ B1 và nay là ông T) để nhà trưởng đèn nhang phụng sự việc thờ cúng tại nhà thờ theo truyền thống.

Tất cả hoạt động và các công việc kể trên đều được thực hiện và diễn ra tại nhà thờ dòng họ Lê V.

Hiện nay, gia đình ông T ăn ở, sinh hoạt trên diện tích đất khoảng 80m<sup>2</sup> của dòng họ Lê V, liền kề nhà thờ dòng họ gắn liền với việc trông nom, nhang khói cho nhà thờ luôn tôn nghiêm, trang trọng (gia đình ông T còn có chỗ ở khác cùng tại địa phương cũng là đất hương hỏa các cụ để lại).

Đây là nét đẹp duy trì tín ngưỡng tại nhà thờ Đại tôn truyền thống của dòng họ được tiếp nối từ nhiều thế hệ cha ông đến gia đình ông Lê Văn T thì có ý định chiếm đoạt nhà thờ họ thành tài sản riêng.

*Về quá trình kê khai và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà, đất dòng họ Lê V của ông Lê Văn T trái pháp luật:*

Ngày 01 tháng 02 âm lịch năm Nhâm Dần (tức ngày 03/3/2022), trong phiên họp họ Lê V để chuẩn bị cho ngày lễ quan trọng: Giỗ cụ tổ họ Lê V được tổ chức vào 07/02 âm lịch hàng năm.

Dòng họ Lê V bất ngờ nghe ông Lê Văn T (người quản lý, sử dụng nhà thờ dòng họ Lê V theo quy định của dòng họ) và bà Nguyễn Thị T1 có ý kiến xin tháo dỡ nhà thờ hiện có để xây dựng lại mà không yêu cầu ai trong dòng họ đóng góp vì ông T cho rằng nhà, đất này đã thuộc quyền sở hữu riêng của gia đình ông T.

Tại buổi họp chiều ngày 07/02 âm lịch năm Nhâm Dần, ông T có những lời nói thách thức thiếu văn hóa, xúc phạm cả dòng họ, dòng họ Lê V họp khẩn cấp, cử người làm đơn ra UBND xã T để xin làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (*viết tắt là GCNQSD đất*) ở và quyền sở hữu nhà thờ họ cho dòng họ Lê V. Đại diện dòng họ nộp đơn đến UBND xã T và nhận được thông tin UBND xã T xác nhận vợ chồng ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị T1 đã được cấp GCNQSD đất ở vào đất và nhà thờ của dòng họ Lê V.

Theo hướng dẫn của lãnh đạo xã T, ngày 08/02 âm lịch, đại diện dòng họ

có đơn yêu cầu lãnh đạo Cụm dân cư N tiến hành hòa giải tranh chấp giữa đại diện dòng họ Lê V với ông Lê Văn T để làm rõ quá trình ông T kê khai và đăng ký cấp GCNQSD đất của ông Lê Văn T trái pháp luật.

Cụm dân cư N xác định nhà, đất có tranh chấp là nhà thờ dòng họ Lê V đã có từ lâu, nhưng ông Lê Văn T cho rằng đất mà ông được cấp là đất đai do cha ông để lại từ nhiều đời nay, ông T được bố để là cụ Lê Văn B1 tặng cho toàn bộ nhà, đất này nên hòa giải không thành.

Đại diện dòng họ Lê V tiếp tục làm đơn đề nghị UBND xã T tiến hành hòa giải tranh chấp với ông Lê Văn T.

Ngày 21/6/2022, UBND xã T tổ chức hòa giải lần 1 nhưng ông Lê Văn T vẫn giữ nguyên quan điểm tại cuộc họp thôn ngày 13/3/2022 nên buổi hòa giải không thành.

Ngày 28/6/2022, UBND xã T tiếp tục tiến hành hòa giải lần 2 theo quy định nhưng buổi hòa giải vẫn không có kết quả. UBND xã T chốt “Biên bản hòa giải không thành” vào ngày 28/6/2022.

Việc ông Lê Văn T được cấp GCNQSD đất thửa số 336, tờ bản đồ số 03, diện tích 480m<sup>2</sup> tại địa chỉ: Ngõ C, Đ, thôn T, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội, dòng họ chỉ biết lãnh đạo xã T xác nhận ngày 21/6/2022 là ngày UBND xã T hòa giải tranh chấp. Tại buổi hòa giải, ông T không xuất trình các tài liệu trên, chỉ được sao chụp tài liệu này thông qua UBND xã T.

*Đại diện dòng họ Lê V đề nghị Tòa án xem xét và chấp nhận yêu cầu của dòng họ Lê V, cụ thể:*

1. Công nhận nhà, đất nhà thờ tại địa chỉ: Ngõ C, Đ, thôn T, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội là tài sản chung của dòng họ Lê V;
2. Hủy GCNQSD đất số vào sổ 00779 do UBND huyện T cấp ngày 20/5/2006 đứng tên ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị T1;
3. Nghiêm cấm các hành vi trái pháp luật ngăn cản dòng họ Lê V thực hiện các hoạt động tín ngưỡng tại nhà thờ dòng họ Lê V, địa chỉ: Ngõ C, Đ, thôn T, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội vì hiện nay vợ chồng ông T, bà T1 có nhiều hành vi cản trở hoạt động tín ngưỡng vốn có của dòng họ Lê V.

*Bị đơn là ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị T1 trình bày:*

Ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị T1 không đến Tòa án theo giấy triệu tập vào các thời điểm lấy lời khai, hòa giải nhưng có gửi “Đơn trình bày” ngày 24/7/2023, nội dung như sau:

Thửa đất số 336, tờ bản đồ số 03, diện tích 480m<sup>2</sup> tại địa chỉ: Ngõ C, Đ, thôn T, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội thuộc quyền sử dụng của tổ tiên gia đình ông T để lại cho cụ nội ông T, cụ nội ông T cho ông nội ông T là cụ Lê Văn Đ1, ông nội ông T cho bố ông T là Lê Văn B1, sau đó cụ B1 để lại cho ông T sử dụng

nhà, đất này đến nay.

Ông T sinh ra và lớn lên tại ngôi nhà, đất này cùng bố mẹ, ông nội và đến nay là ông T, đều là trưởng nam nên theo phong tục tập quán tại địa phương phải đảm nhận việc thờ cúng tổ tiên. Các gia đình trong dòng họ những dịp giỗ, tết thường đến nhà ông T để thắp hương, dâng lễ. Vì vậy, khi ngôi nhà xuống cấp, một số người đã vận động quyên góp trên tinh thần “Phát tâm”, hỗ trợ một phần kinh phí và xin ý kiến ông T để tu sửa ngôi nhà, vật dụng thờ cúng vào năm 2009.

Ông T đã sinh sống ở đây hơn 60 năm, suốt quá trình sử dụng đất này, ông T đóng đầy đủ tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật và không tranh chấp với ai về quyền sử dụng đất đối với thửa đất này.

Năm 2006, trên cơ sở thừa kế di sản của bố mẹ ông T để lại, ông T đã làm thủ tục xin cấp GCNQSD đất đối với thửa đất nêu trên và được UBND huyện T, tỉnh Hà Tây (cũ) cấp GCNQSD đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.

Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi hủy GCNQSD đất mà UBND huyện T, tỉnh Hà Tây đã cấp cho ông T và bà T1 năm 2006 và giao lại nhà, đất này cho dòng họ Lê V là hoàn toàn không có cơ sở nên vợ chồng ông T không chấp nhận yêu cầu này.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm ông Lê Văn T2, ông Lê Văn T3, ông Lê Văn C, ông Lê Văn D1, ông Lê Văn H1 trình bày: Nhất trí với lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn, không bổ sung ý kiến, yêu cầu nào khác.*

*UBND huyện T cung cấp:*

1. Hồ sơ lưu tại Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T:

Tại UBND huyện chỉ còn lưu giữ: Đơn xin cấp GCNQSD đất ngày 04/9/2005 với 02 thửa 399A + 336 có diện tích 170m<sup>2</sup> + 480m<sup>2</sup> do bà Lê Thị H3 ký (không phải do ông T, bà T1 ký). Địa chính xã Lê Xuân H4 và Chủ tịch xã N ký ngày 06/11/2005. Kết quả thẩm tra của Phòng Tài nguyên và Môi trường để trống. Ngoài ra không còn tài liệu nào khác.

2. Hồ sơ tại Văn phòng đăng ký đất đai huyện T: Tại sở cấp GCNQSD đất xã T: Thửa đất số 366, diện tích 480m<sup>2</sup> được UBND huyện T cấp GCNQSD đất mang tên hộ gia đình, cá nhân ông Lê Văn T, sổ vào sổ 779.

Thửa đất số 399, diện tích 170m<sup>2</sup> được UBND huyện T cấp GCNQSD đất mang tên hộ gia đình, cá nhân ông Lê Văn T, sổ vào sổ 783.

Về hồ sơ lưu trữ: Trước ngày 20/4/2015, toàn bộ hồ sơ cấp GCNQSD đất và hồ sơ đăng ký biến động của hộ gia đình, cá nhân do Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T lưu trữ, do vậy Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T không có hồ sơ cấp GCNQSD đất đối với 02 thửa đất trên.

*UBND xã T cung cấp:*

Hồ sơ lưu tại UBND xã T có: Bản đồ địa chính năm 1993 (các thửa không

ghi tên người sử dụng); Sổ mục kê năm 1993 ghi tên cụ Lê Văn B1 thửa đất số 399, diện tích 300m<sup>2</sup> (đất ao); thửa đất số 336, diện tích 480m<sup>2</sup> (đất thổ cư). Ngoài ra, không còn tài liệu nào khác. Việc ông T đóng thuế sử dụng đất thửa số 336, diện tích 480m<sup>2</sup> từ thời điểm ông T được cấp GCNQSD đất ngày 20/5/2006.

*Người làm chứng về phía nguyên đơn:* Gồm 29 nhân chứng, trong đó có cụ Đ là em ruột cụ B1, chú ruột ông T; những người cao tuổi trong họ, hàng xóm láng giềng; thợ xây, thợ mộc trực tiếp sửa chữa, xây dựng nhà thờ đều xác định nhà, đất hiện đang tranh chấp là nhà thờ dòng họ Lê V, không phải tài sản riêng của vợ chồng ông T và bà T1.

*Người làm chứng về phía bị đơn (do ông C2 đại diện):* Điều xác định nhà, đất hiện đang tranh chấp là nhà thờ dòng họ Lê V, tiền đóng góp là của dòng họ Lê V, không phải tài sản của riêng ai và đề nghị tiếp tục duy trì giỗ tết và để ông T quản lý.

*Kết quả thẩm định, định giá:* Nhà đất hiện đang tranh chấp là thửa số 336, tờ bản đồ số 03, diện tích 478,9m<sup>2</sup> tại xã T, huyện T, Hà Nội.

Kiến trúc nhà thờ họ 05 gian, nhà gỗ, với nhiều hoành phi, câu đối, đồ thờ bằng đồng, quần áo tế lễ,...thể hiện là nhà thờ họ truyền thống.

Các công trình kiến trúc do vợ chồng ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị T1 xây dựng gồm nhà gạch G(1), G(2), G(3), bể nước 12m<sup>3</sup>, nhà vệ sinh có tổng giá trị là 87.550.700 đồng.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 96/2023/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội quyết định:*

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn gồm các ông Lê Văn P sinh năm 1951, ông Lê Văn D sinh năm 1962 và ông Lê Văn C sinh năm 1948 về việc tranh chấp tài sản chung của dòng họ và quyết định như sau:

1. Tuyên hủy GCNQSD đất do UBND huyện T cấp cho ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị T1 ngày 20/5/2006 tại thửa đất số 336, tờ bản đồ số 03, diện tích 480m<sup>2</sup> (đo thực tế là 478,9m<sup>2</sup>), địa chỉ: Ngõ C, Đ, thôn T, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội.

2. Công nhận toàn bộ diện tích nhà, đất tại thửa số 336, tờ bản đồ số 03, diện tích 480m<sup>2</sup> (đo thực tế là 478,9m<sup>2</sup>) tại địa chỉ: Ngõ C, Đ, thôn T, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội là nhà thờ dòng họ Lê V, tài sản chung của dòng họ Lê V.

- Dòng họ Lê V có trách nhiệm thanh toán cho ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị T1 giá trị các công trình, kiến trúc do ông T và bà T1 xây dựng tại nhà, đất nhà thờ dòng họ Lê V, tổng trị giá là: 87.550.700 đồng (Tám mươi bảy triệu, năm trăm năm mươi nghìn, bảy trăm đồng).

- Dòng họ Lê V được sở hữu chung toàn bộ các công trình, kiến trúc do ông T và bà T1 đã xây dựng tại nhà, đất nhà thờ họ Lê V.

- Dòng họ Lê V có trách nhiệm cử đại diện đến các cơ quan nhà, đất có thẩm quyền để thực hiện việc đăng ký quyền sở hữu chung của dòng họ đối với nhà, đất có địa chỉ nêu trên theo quyết định của bản án có hiệu lực pháp luật và theo quy định của pháp luật.

3. Nghiêm cấm các hành vi trái pháp luật ngăn cản dòng họ Lê V thực hiện các hoạt động tín ngưỡng tại nhà thờ dòng họ Lê V, địa chỉ: Ngõ C, Đ, thôn T, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/9/2023, bị đơn là ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị T1 kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 96/2023/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ mới và không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án; Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo toàn bộ bản án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày: Vấn đề nhà thờ, nguyên đơn căn cứ vào gia phả (có việc đóng góp, công đức đóng theo định để sửa chữa nhà thờ), bị đơn có thừa nhận đây là tâm đức của con cháu. Về quyền sử dụng đất, diện tích làm nhà thờ chỉ có 1 – 2 thước ( $20m^2 - 30m^2$  đất), trong khi diện tích đất theo GCNQSD đất là  $480m^2$ , phần diện tích đất này chưa được làm rõ trong hồ sơ. Tòa án sơ thẩm xác định nhà đất thuộc quyền sử dụng chung của dòng họ nhưng đề nghị Hội đồng xét xử giao cho vợ chồng ông T quản lý, sử dụng.

Bị đơn là ông Lê Văn T trình bày: Đây là đất tổ tiên, ông cha để lại. Ông T là trưởng họ thì anh em đến nhà thờ thờ cúng là đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày: Hiện trạng nhà thờ họ, cách bài trí thực tế phù hợp với ghi chép trong gia phả. Các ngày nghi lễ, cúng tế đều thực hiện tại nhà thờ Đại tôn, các con cháu đều được phân công nhiệm vụ thực hiện rõ ràng. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Kháng cáo của bị đơn là ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị T1 trong thời hạn luật định và hợp lệ, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung: Việc cấp GCNQSD đất là cấp đại trà cho nhiều hộ dân trong xã. Đơn xin cấp GCNQSD đất là do bà Nguyễn Thị H4 (em gái ông T) ký. Tại thời điểm kê khai, cấp GCNQSD đất thì cụ B1, cụ T7 còn sống. Không có tài liệu

thể hiện bố mẹ ông T cho ông T. Như vậy, hồ sơ kê khai cấp GCNQSD đất không phù hợp quy định pháp luật đất đai thời điểm đó. Ông T và bà T1 không kê khai, không có giấy tờ nào chứng minh quyền sử dụng hợp pháp, không có trong danh sách đủ điều kiện được cấp GCNQSD đất, do đó việc UBND huyện T cấp GCNQSD đất cho ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị T1 là không đúng quy định. Việc hình thành nhà thờ họ Lê V phù hợp với gia phả ghi chép lại, phù hợp với thực tế sử dụng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Có đủ cơ sở xác định nhà đất đang tranh chấp thuộc quyền sở hữu, sử dụng của dòng họ Lê V.

Bản án sơ thẩm có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận và trình bày của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

#### **[1] Về tố tụng:**

[1.1] Nguyên đơn là ông Lê Văn P, ông Lê Văn D, ông Lê Văn C đại diện dòng họ Lê V khởi kiện ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị T1 đề nghị công nhận nhà, đất tại địa chỉ: Ngõ C, Đ, thôn T, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội là tài sản chung của dòng họ Lê V và yêu cầu hủy GCNQSD đất, số vào sổ 00779 do UBND huyện T cấp ngày 20/5/2006 đứng tên ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị T1; nghiêm cấm các hành vi trái pháp luật ngăn cản dòng họ Lê V thực hiện các hoạt động tín ngưỡng tại nhà thờ dòng họ Lê V được xác định là quan hệ tranh chấp nhà thờ họ và yêu cầu hủy quyết định hành chính của cơ quan hành chính Nhà nước có thẩm quyền. Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền, đảm bảo về điều kiện khởi kiện theo quy định tại khoản 9 Điều 26; Điều 34; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính; Điều 2, Điều 3, Điều 4 Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐTP ngày 05/3/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[1.2] Về thủ tục kháng cáo: Kháng cáo của ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị T1 đảm bảo đúng thời hạn và thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định tại Điều 273, Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

#### **[2] Xét nội dung khởi kiện của nguyên đơn:**

[2.1] Xét yêu cầu công nhận nhà, đất nhà thờ tại địa chỉ: Ngõ C, Đ, thôn T, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội là tài sản chung của dòng họ Lê V.

[2.1.1] Thửa đất số 336 đang tranh chấp, có diện tích 480m<sup>2</sup> (đo thực tế là

478,9m<sup>2</sup>), tờ bản đồ số 03, tại địa chỉ: Ngõ C, Đ, thôn T, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội được UBND huyện T cấp GCNQSD đất cho ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị T1 ngày 20/5/2006.

[2.1.2] Nguyên đơn khởi kiện và cho rằng: Thửa đất tranh chấp có nguồn gốc lâu đời khoảng 500 năm với bề dày truyền thống theo phả tích các cụ để lại, trên đất có nhà thờ họ Lê V được hình thành, xây dựng, trùng tu, sửa chữa qua các thời kỳ, được thể hiện cụ thể trong gia phả và vi bằng. Khu đất có nhà thờ gia tộc dòng họ là nơi thờ cúng tổ tiên của gia tộc họ Lê V, nên gia tộc họ Lê V có quyền sở hữu và sử dụng thửa đất trên.

[2.1.3] Bị đơn là ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị T1 cho rằng: Thửa đất đang tranh chấp thuộc quyền sử dụng của tổ tiên gia đình để lại theo cha truyền con nối, trên cơ sở thừa kế di sản của bố mẹ để lại, trưởng nam sẽ đảm nhận việc thờ cúng tổ tiên. Thửa đất này đã được UBND huyện T cấp GCNQSD đất mang tên ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị T1, do đó ông T, bà T1 có quyền sở hữu và sử dụng thửa đất trên.

[2.1.4] Như vậy, mặc dù các bên đương sự không thống nhất được thửa đất đang tranh chấp thuộc quyền sử dụng của ai, nhưng các đương sự đều thừa nhận nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp là đất tổ tiên để lại.

- Căn cứ theo gia phả và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguồn gốc của nhà thờ dòng họ Lê V thôn T8 đã có từ lâu đời (khoảng 500 năm) và trải qua nhiều lần trùng tu lớn đúng như nội dung trình bày của nguyên đơn.

- Sổ Nghị Quyết và sổ Thu chi tài chính ghi chép cụ thể về chương trình Xuân tế và các tài liệu liên quan, các ngày lễ, ngày kỉ niệm của dòng họ, các sự kiện họp hành, nghị quyết tập thể đều diễn ra tại nhà thờ dòng họ Lê V, được duy trì thành nề nếp, phát triển từ khi hình thành cho tới nay và được tất cả các thành viên trong dòng họ tham gia nhiệt tình, đóng góp, xây dựng.

- Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội ngày 14/3/2023 (BL 149), hiện nay trên diện tích đất tranh chấp có kiến trúc nhà thờ, tài sản và công trình vật kiến trúc đúng như nội dung của gia phả và lời khai của nguyên đơn, nhà đất và tài sản gắn liền với đất đang tranh chấp vẫn còn lưu giữ những di tích từ nhiều đời trước để lại và từ các suất đình trong dòng họ đóng góp tu sửa, xây dựng lên qua các thời kỳ.

- Các tài liệu, chứng cứ nêu trên phù hợp với nhau và phù hợp, thống nhất với các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án, như: Nhận xét của chính quyền địa phương và nội dung các cuộc họp hòa giải, giải quyết tranh chấp tại thôn, xã, cụ thể:

- + Cụm N, thôn T, xã T xác định: Thửa đất số 336, tờ bản đồ số 03, diện tích 480m<sup>2</sup>, tại địa chỉ: Ngõ C, Đ, thôn T, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội là nhà thờ dòng họ Lê V.

+ Trong các cuộc họp tại UBND xã T, ông T và bà T1 đều xác định nhà, đất đang tranh chấp là do tổ tiên để lại. Cán bộ ủy ban tham gia dự họp hòa giải và chính quyền địa phương đều xác định nhà, đất đang tranh chấp là nhà thờ dòng họ Lê V, đề nghị các bên hòa giải để giải quyết tranh chấp, mâu thuẫn trong nội bộ dòng họ.

+ Tại Vi bằng số 875/2022 ngày 23/05/2022, cụ Lê Văn Đ (em ruột cụ B1, chú ruột ông T) xác nhận: Do chúng tôi đều hiểu biết nhà Từ Đường dòng họ Lê V là chung của cả dòng họ. Bố và mẹ chúng tôi cũng như chúng tôi chỉ là người được giao quản lý trông nom mà không phải là chủ sử dụng, sở hữu nhà Từ Đường dòng họ Lê V. Vì vậy, chúng tôi chưa bao giờ có suy nghĩ là sẽ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng, sở hữu cho chúng tôi.

+ Các nhân chứng trong và ngoài dòng họ, hàng xóm đều xác định đây là nhà thờ dòng họ Lê V. Các thợ xây, thợ mộc sửa nhà thờ đều xác nhận là nhận tiền công từ dòng họ Lê V.

[2.1.5] Nhà thờ đã được xây dựng, trùng tu nhiều lần, ngày một khang trang đều bằng kinh phí đóng góp hoặc cung tiến của các suất đình trong dòng họ. Hoạt động tín ngưỡng và sinh hoạt khác của dòng họ Lê V đều được các thành viên trong họ nhiệt tình tham gia và ủng hộ, trong đó có cụ B1, ông T và không xảy ra tranh chấp. Nhà thờ dòng họ Lê V tôn tạo, xây dựng, tu sửa, cung tiến qua nhiều thời kỳ. Các công việc, sự kiện diễn ra đều được ghi chép lại. Các đương sự sử dụng ổn định, lâu dài, không tranh chấp (cho đến năm 2022) vào mục đích thờ cúng gia tộc họ Lê V. Việc tái tạo, tu sửa Từ Đường năm 2009 cũng được ông T và bà T1 thừa nhận: Kinh phí để xây dựng nhà thờ là do các suất đình của dòng họ gồm chi 1, chi 2, chi 3 đóng góp và do một số nhà hảo tâm cung tiến.

[2.1.6] Vì vậy, căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 9; điểm g khoản 2 Điều 13; Điều 100 Luật Đất đai năm 2003; điểm c khoản 5 Điều 6 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 về thi hành Luật Đất đai năm 2003; Điều 220 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 2 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016; trên cơ sở phân tích, nhận định về nguồn gốc hình thành, quá trình xây dựng tôn tạo, kiến trúc, các hoạt động tín ngưỡng, gia phả và sổ sách ghi chép, có đủ cơ sở để công nhận toàn bộ diện tích nhà, đất tại thửa số 336, tờ bản đồ số 03, diện tích 480m<sup>2</sup> (đo thực tế là 478,9m<sup>2</sup>, theo sơ đồ trích đo địa chính thửa đất năm 2023) tại địa chỉ: Ngõ C, Đ, thôn T, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội là nhà thờ, tài sản chung của dòng họ Lê V thôn T8.

[2.2] Xét yêu cầu hủy GCNQSD đất số vào sổ 00779 do UBND huyện T cấp ngày 20/5/2006 đứng tên ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị T1:

[2.2.1] Bị đơn cho rằng (BL 197): Thửa đất này thuộc quyền sử dụng của tổ tiên gia đình ông T để lại cho cụ nội ông T, sau đó cụ nội ông T cho ông nội ông T là cụ Lê Văn Đ1, cụ Đ1 để lại cho bố ông T là cụ Lê Văn B1, sau đó cụ B1 để lại cho ông T sử dụng nhà đất này đến nay; Nhân chứng về phía bị đơn là ông Lê Văn C2 đại diện (BL 324, BL 372) trình bày: Nhà, đất hiện đang tranh chấp

có nguồn gốc từ đời xưa để lại, tổ tiên của dòng họ Lê V đời thứ nhất là cụ Phúc C1 đã đến khai hoang lập nghiệp ở làng T. Các cụ đã chia cho các chi đất, ao, vườn đầy đủ. Thửa đất này là tài sản riêng của ông T, các chi trong họ đều đã có nhà thờ riêng nhưng chính ông C2 lại khai rằng: Nhà đất đang tranh chấp là nhà thờ họ Lê V, tiền đóng góp là của cả dòng họ, không phải tài sản riêng của ai và đề nghị tiếp tục duy trì lễ tết để ông T quản lý.

[2.2.2] UBND xã T, huyện T cung cấp thông tin: Theo bản đồ địa chính xã đo đạc năm 1993 và sổ mục kê đất thổ cư của xã năm 1993, thửa đất số 336 đang tranh chấp mang tên cụ Lê Văn B1. Quá trình biến động quyền sử dụng đất từ cụ Lê Văn B1 sang ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị T1, hồ sơ xin cấp GCNQSD đất của hộ ông T, UBND xã không có thông tin lưu trữ.

[2.2.3] Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội Chi nhánh huyện T cung cấp thửa đất số 336, diện tích 480m<sup>2</sup> đã được UBND huyện T cấp GCNQSD đất mang tên hộ gia đình ông Lê Văn T, vào sổ số 779. Tuy nhiên, về hồ sơ lưu trữ, do trước ngày 20/4/2015 toàn bộ hồ sơ cấp GCNQSD đất và hồ sơ đăng ký biến động của hộ gia đình, cá nhân do Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T lưu trữ, do đó Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T không có hồ sơ cấp GCNQSD đất đối với thửa đất trên.

[2.2.4] Hồ sơ UBND huyện T cấp GCNQSD đất cho vợ chồng ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị T1 ngày 20/5/2006 gồm các tài liệu sau:

- “Đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” đề ngày 04/9/2005, người viết đơn, ký bà Lê Thị H3 (không phải ông T và bà T1 ký). Phần xác nhận của UBND xã, phường, thị trấn, Cán bộ địa chính xã và Chủ tịch xã T có ký. Phần III. Kết quả thẩm tra của Phòng Tài nguyên và Môi trường để trống (không có xác nhận của người thẩm tra hồ sơ, không có xác nhận của Phòng Tài nguyên và Môi trường).

- “Sổ mục kê” thửa đất số 336 ghi tên cụ Lê Văn B1 và bản đồ địa chính năm 1993 lưu tại UBND xã T.

Ngoài các tài liệu trên không còn tài liệu nào khác làm căn cứ UBND huyện T cấp GCNQSD đất cho vợ chồng ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị T1 ngày 20/5/2006.

[2.2.5] Xét về “sổ mục kê”, thửa đất số 336 ghi tên cụ Lê Văn B1: Theo Công văn số 1568/TNMT-ĐKTKĐĐ ngày 25/4/2007 của Bộ tài nguyên và Môi trường; khoản 1 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003 quy định về các loại giấy tờ làm căn cứ để cấp GCNQSD đất: “...Chỉ có Sổ đăng ký ruộng đất (lập theo quy định tại Quyết định số 56-ĐKTK) và Sổ địa chính (được lập theo quy định tại Quyết định số 499 QĐ-ĐC và Thông tư số 1990/2001/TT-TCĐC) mới được coi là loại giấy tờ về quyền sử dụng đất...” nên “Sổ mục kê” không được coi là loại giấy tờ về quyền sử dụng đất căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003. Mặt khác, về mặt pháp lý thì sổ mục kê sẽ ghi nhận các thông tin về thửa đất, trong đó có tên của người sử dụng đất và người được giao quản lý đất, việc

sổ mục kê phản ánh chủ sử dụng đất vào năm 1993 là cụ Lê Văn B1 không mâu thuẫn với các tài liệu, chứng cứ chứng minh trên, bởi lẽ cụ B1 là trưởng nam, chịu trách nhiệm thờ cúng, thời điểm lập sổ mục kê, bản đồ địa chính năm 1993 phản ánh cụ B1 đang quản lý, sử dụng nhà đất là phù hợp. Do đó, trong vụ án này, sổ mục kê không phải là căn cứ duy nhất chứng minh quyền sử dụng đất hợp pháp của cụ Lê Văn B1 cũng như ông Lê Văn T.

[2.2.6] Đơn xin cấp GCNQSD đất của ông T, bà T1 không phải do ông T, bà T1 ký. Với các tài liệu có trong hồ sơ cấp GCNQSD đất do UBND huyện T cung cấp, đối chiếu với các quy định của pháp luật đã viện dẫn, trình bày của UBND huyện T (ủy quyền cho Phòng Tài nguyên và Môi trường), Văn phòng đăng ký đất đai huyện T và UBND xã T, đủ cơ sở khẳng định việc UBND huyện T cấp GCNQSD đất cho ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị T1 ngày 20/5/2006 khi vợ chồng ông T không có giấy tờ hợp pháp nên không đúng trình tự, thủ tục được quy định tại khoản 1 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003, Điều 48, Điều 135 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 và Công văn số 1568/TNMT-ĐKTKĐĐ ngày 25/4/2007 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Hơn nữa, tại thời điểm cấp GCNQSD đất, cụ B1 còn sống, vẫn trông coi nhà thờ nhưng UBND huyện T lại cấp GCNQSD đất cho ông T. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T cũng thừa nhận, ông không biết gì về việc kê khai cấp GCNQSD đất mang tên ông.

Ngoài ra, GCNQSD đất do UBND huyện T cấp cho ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị T1 ngày 20/5/2006 không ghi thông tin tại Mục III. Tài sản gắn liền với đất là không tuân thủ quy định tại Điều 5 Phần III Thông tư số 01/2005/TT-TNMT ngày 13/4/2005 quy định về việc ghi nhận tài sản gắn liền với đất trên GCNQSD đất; khoản 12 Điều 6 Thông tư số 17/2009/TT-BTNMT ngày 21/10/2009 những trường hợp tài sản gắn liền với đất không thể hiện trên GCNQSD đất.

[2.2.7] Từ những phân tích và nhận định trên, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn về việc tranh chấp tài sản chung của dòng họ đồng thời hủy GCNQSD đất do UBND huyện T đã cấp trái pháp luật cho ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị T1 ngày 20/5/2006 tại thửa đất số 366, tờ bản đồ số 03, diện tích 480m<sup>2</sup>, địa chỉ: Ngõ C, Đ, thôn T, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội là có căn cứ, đúng pháp luật.

Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn nên dòng họ Lê V có trách nhiệm thanh toán giá trị các công trình, kiến trúc do vợ chồng ông T tạo dựng trên diện tích đất thuộc quyền sử dụng của dòng họ Lê V và dòng họ Lê V được sở hữu các công trình, kiến trúc đó là phù hợp. Nghiêm cấm các hành vi trái pháp luật ngăn cản dòng họ Lê V thực hiện các hoạt động tín ngưỡng tại nhà thờ dòng họ Lê V, địa chỉ: Ngõ C, Đ, thôn T, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội.

[2.3] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn:

Ông T và bà T1 kháng cáo toàn bộ bản án, không đồng ý với quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm và cho rằng thửa đất trên và tài sản gắn liền với đất được

chuyển quyền sở hữu, sử dụng qua nhiều đời theo nguyên tắc truyền thống tín ngưỡng của dòng họ, để lại cho con trưởng các thế hệ kế thừa. Riêng gia đình ông T đã có đến 4 đời sinh sống ở đây, ngoài gian thờ cúng, các công trình, nhà ở khác trên đất này là của gia đình ông T; tuy nhiên, ông T và bà T1 không xuất trình tài liệu chứng cứ mới, không có giấy tờ hợp pháp minh chứng cho việc thừa đất trên được chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị T1.

Xét về nguồn gốc hình thành, quá trình xây dựng tôn tạo, kiến trúc, các hoạt động tín ngưỡng, gia phả và sổ sách ghi chép thì ông T và bà T1 chỉ là người trực tiếp quản lý việc thờ cúng cho dòng họ Lê V đối với nhà đất tại thửa đất số 336, tờ bản đồ số 03, diện tích 480m<sup>2</sup> (đo thực tế là 478,9m<sup>2</sup>) tại địa chỉ: Ngõ C, Đ, thôn T, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội, không đồng nghĩa với việc nhà thờ chung của dòng họ thuộc quyền sở hữu, sử dụng riêng của ông bà. Như vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn là ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị T1.

[2.4] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn trình bày vẫn mong muốn được đại diện dòng họ tiếp tục quản lý, trông coi nhà thờ. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu xác định nhà đất đang tranh chấp là tài sản chung hợp nhất của dòng họ, không yêu cầu chia tài sản. Đại diện nguyên đơn gồm ông P, ông C, ông D yêu cầu vợ chồng ông T phải bảo đảm cho dòng họ thực hiện việc tín ngưỡng, lễ tết, giỗ họ theo phong tục tập quán. Hiện nay, gia đình ông T vẫn có chỗ ở khác và được cấp GCNQSD đất đối với diện tích 170m<sup>2</sup> đất (là diện tích đất ao còn lại) nhưng nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, bị đơn cũng không có yêu cầu xem xét. Xét việc quản lý hương khói nhà thờ sẽ giải quyết theo phong tục tập quán và truyền thống của dòng họ, phạm vi giải quyết vụ án Hội đồng xét xử chỉ xem xét phạm vi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về án phí: Mặc dù kháng cáo của ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị T1 không được chấp nhận nhưng do ông T và bà T1 đều là người cao tuổi nên Hội đồng xét xử miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bị đơn.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị T1.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 96/2023/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

2. Về án phí: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị T1.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội;
- Cục THADS TP Hà Nội;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, P. HCTP.TANDCC Hà Nội.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Đặng Thị Thơm**